

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

2021



Handwritten marks or signatures at the bottom right corner of the page.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	1
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Định nghĩa và diễn giải	1
Điều 2. Mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản trị Công ty	2
CHƯƠNG 2	3
QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của đại hội đồng cổ đông	3
Điều 4. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	3
Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 7. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	5
Điều 8. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 9. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 10. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 11. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 12. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 13. Điều kiện tiến hành	7
Điều 14. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	9
Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	9
Điều 17. Cách thức kiểm phiếu	10
Điều 18. Thông báo kết quả kiểm phiếu	10
Điều 19. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	10
Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 21. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 22. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	12
Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:	12
Điều 23. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	12
Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	12
Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	14

02
09
01
06

✓

✓

Điều 25. Hợp Đại hội đồng cổ đông với hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	14
CHƯƠNG 3	14
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	14
Điều 26. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	14
Điều 27. Trách nhiệm nhiệm và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 28. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị	15
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 29. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 30. Đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 31. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 33. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	17
Mục 3. Thủ lao và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 34. Thủ lao và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị	19
Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:	19
Điều 35. Số lượng cuộc họp tối thiểu	19
Điều 36. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	20
Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định)	20
Điều 38. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban kiểm soát	21
Điều 39. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	21
Điều 40. Cách thức biểu quyết	22
Điều 41. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	22
Điều 42. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của Thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 43. Biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị	22
Điều 44. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	22
Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	22
Điều 45. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	23
Mục 6. Người phụ trách quản trị Công ty	23
Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	23
Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	23
Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	23
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty	23
CHƯƠNG 4	24
BAN KIỂM SOÁT	24
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát	24

13
 P
 1
 6
 11

✓

Điều 50.	Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát	24
Điều 51.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	24
Điều 52.	Trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát.....	25
Điều 53.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	25
Mục 2.	Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 54.	Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 55.	Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 56.	Đề cử, ứng cử Thành viên Ban kiểm soát	26
Điều 57.	Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 58.	Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 59.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát	27
Điều 60.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 61.	Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 62.	Cuộc họp Ban kiểm soát	28
Điều 63.	Tiền lương và quyền lợi khác của Thành viên Ban kiểm soát.....	28
CHƯƠNG 5.....		28
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		28
Điều 64.	Tổ chức bộ máy quản lý Công ty	28
Điều 65.	Người điều hành Công ty	28
Điều 66.	Trách nhiệm của Người quản lý Công ty	29
Mục 1.	Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	29
Điều 67.	Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	29
Mục 2.	Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	30
Điều 68.	Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc.....	30
Điều 69.	Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.....	30
Điều 70.	Bỏ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	31
Điều 71.	Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.....	31
	Tổng giám đốc có thể bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động trong các trường hợp sau:.....	31
Điều 72.	Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc.....	31
Điều 73.	Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc.....	31
CHƯƠNG 6.....		31
QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....		31
Điều 74.	Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	31
Điều 75.	Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc.....	31
Điều 76.	Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị	

Điều 77. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	32
Điều 78. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc	32
Điều 79. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	32
CHƯƠNG 7	33
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	33
Điều 80. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác.....	33
Điều 81. Khen thưởng.....	33
Điều 82. Kỷ luật.....	33
CHƯƠNG 8	34
SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	34
Điều 83. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.....	34
CHƯƠNG 9	34
HIỆU LỰC THI HÀNH	34
Điều 84. Ngày hiệu lực.....	34

11/07/2011

✓

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Đồ Hộp Hạ Long đã được thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 tổ chức ngày 04/06/2021;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ Phần Đồ Hộp Hạ Long;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG 1
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa và diễn giải

1. Định nghĩa:

Trừ khi các điều Khoản và ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác đi, các thuật ngữ và từ ngữ dưới đây được sử dụng trong Quy chế này sẽ có nghĩa như sau:

- (a) "Công ty" là Công ty Cổ Phần Đồ Hộp Hạ Long, mã số doanh nghiệp: 0200344752, đăng ký lần đầu ngày 05/03/1999, trụ sở chính tại số 71 đường Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.
- (b) "Quy chế" là Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.
- (c) "Đại hội đồng cổ đông" là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
- (d) "Hội đồng quản trị" là Hội đồng quản trị của Công ty.
- (e) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- (f) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- (g) "Điều lệ Công ty" là Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 04/06/2021 và các bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.
- (h) "Người quản lý" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- (i) "Người điều hành" bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty, Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Người điều hành Công ty khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tùy từng thời điểm và theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- (j) "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- (k) "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/Thành viên không điều hành" là thành viên

Hội đồng quản trị của Công ty không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Kế toán trưởng Công ty và những Người Điều hành khác theo quy định của Điều Lệ Công ty.

- (l) "*Thành viên độc lập*" là thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Diễn giải:

- (a) Các dẫn nhập và tiêu đề được đưa vào chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho người đọc và không ảnh hưởng đến việc giải thích các quy định của Quy chế này;
- (b) Các từ ngụ ý về số ít sẽ bao gồm cả hàm ý số nhiều và ngược lại;
- (c) Việc dẫn chiếu đến một hoặc bất kỳ văn bản pháp luật nào hoặc các điều Khoản của các văn bản pháp luật sẽ được hiểu là tham chiếu đến các văn bản pháp luật hoặc các điều Khoản đã được điều chỉnh, gia hạn, hợp nhất, tái ban hành hoặc thay thế vào từng thời điểm (dù là trước hoặc sau ngày Quy chế có hiệu lực) và các Nghị định, quy định hoặc các điều Khoản hướng dẫn thực hiện khác của các văn bản này;
- (d) Bất kỳ sự dẫn chiếu nào đến ngày hoặc giờ sẽ là dẫn chiếu đến ngày hoặc giờ tại Việt Nam;
- (e) Bất kỳ dẫn chiếu nào đến "bằng văn bản" hoặc các thuật ngữ có nghĩa tương tự bao gồm các dẫn chiếu đến các thông tin được trao đổi bằng phương tiện điện tử, fax hoặc các phương tiện trao đổi thông tin tương tự.

Điều 2. Mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục đích ban hành

- (a) Đảm bảo một cơ cấu quản trị Công ty hợp lý;
- (b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị;
- (c) Đảm bảo quyền lợi cổ đông và những người có liên quan;
- (d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- (e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty để Công ty hoạt động theo định hướng và được kiểm soát có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những bên liên quan của Công ty.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ Phần Đồ Hộp Hạ Long liên quan đến vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản trị Công ty

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, dưới đây là các chủ thể cấu thành mô hình quản trị của Công ty:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện các chức năng cùng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. **Tổng giám đốc**
Tổng giám đốc là người đứng đầu, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở tuân thủ quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật có liên quan.
4. **Ban kiểm soát**
Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
5. **Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị**
Các tiểu ban trực thuộc là đơn vị hỗ trợ Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG 2 QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- (b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- (d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- (f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- (g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
- (i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- (j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- (k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- (l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- (m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: